

APPLYING LEARNING THROUGH PLAY IN TEACHING VIETNAMESE SUBJECTS FOR 1st GRADE STUDENTS

Nong Thi Trang*, Nguyen Ngoc Thao, Nguyen Thi Khanh Linh, Nguyen Thi Ngoc Thoa, Le Thi Diu, Hoang Thi Ngoc Quy

TNU – University of Education

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 30/11/2024</p> <p>Revised: 19/3/2025</p> <p>Published: 20/3/2025</p>	<p>The article studies Learning through Play in primary education, aiming for the comprehensive development of students, particularly in the subject of Vietnamese for grade 1. By using qualitative research methods, combined with secondary information collection from the "Training materials for education management staff and primary school teachers on Learning through Play" and related scientific studies, the authors have established design principles; providing specific guidelines for formulating lesson plans and organizing the implementation of Learning through Play activities in Vietnamese for grade 1. The research results indicate that applying Learning through Play in teaching Vietnamese for grade 1 is essential for creating an engaging learning environment, helping students overcome challenges during the transition from preschool to primary school. Learning through Play not only brings joy but also encourages students to acquire knowledge in a self-directed and active manner.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Learning through play</p> <p>Vietnamese</p> <p>Elementary school</p> <p>Design</p> <p>Organization</p>	

VẬN DỤNG HỌC THÔNG QUA CHƠI TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 1

Nông Thị Trang*, Nguyễn Ngọc Thảo, Nguyễn Thị Khánh Linh, Nguyễn Thị Ngọc Thoa, Lê Thị Diu, Hoàng Thị Ngọc Quý

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 30/11/2024</p> <p>Ngày hoàn thiện: 19/3/2025</p> <p>Ngày đăng: 20/3/2025</p>	<p>Bài báo nghiên cứu về Học thông qua Chơi trong giáo dục tiểu học, với mục tiêu phát triển toàn diện cho học sinh, đặc biệt là trong môn Tiếng Việt lớp 1. Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp với phương pháp thu thập thông tin thứ cấp từ “Bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên tiểu học về Học thông qua Chơi” và các nghiên cứu khoa học liên quan, nhóm tác giả đã đưa ra được những nguyên tắc thiết kế; hướng dẫn cụ thể các bước xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức thực hiện hoạt động Học thông qua Chơi trong môn Tiếng Việt lớp 1. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng Học thông qua Chơi trong dạy học Tiếng Việt lớp 1 là cần thiết để tạo ra môi trường học tập hấp dẫn, giúp học sinh vượt qua những thách thức trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. Học thông qua Chơi không chỉ mang lại niềm vui mà còn khuyến khích học sinh tiếp thu kiến thức một cách tự giác và tích cực.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Học thông qua chơi</p> <p>Môn Tiếng Việt</p> <p>Tiểu học</p> <p>Thiết kế</p> <p>Tổ chức</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11631>

* Corresponding author. Email: trangnt.pri@mue.edu.vn

1. Giới thiệu

Trên thế giới, “nhà sư phạm nổi tiếng người Tiệp Khắc I. A. Komenxki (1592 - 1670) được coi là người đại diện cho khuynh hướng sử dụng trò chơi trong hoạt động học tập làm phương tiện phát triển toàn diện cho trẻ” [1]. Ông coi hoạt động chơi là hoạt động cần thiết, phù hợp với bản chất và khuynh hướng của trẻ. Parker và Thomsen cũng cho rằng: “trẻ em có thể thúc đẩy các kỹ năng nhận thức xã hội, cảm xúc, sáng tạo và thể chất thông qua sự tham gia tích cực vào quá trình học tập được trải nghiệm là vui vẻ, có ý nghĩa, tương tác xã hội” [2].

Ở Việt Nam, Học thông qua Chơi (HTQC) cũng là một hoạt động không thể thiếu trong các nhà trường. Dự án “Lồng ghép Học thông qua Chơi vào giáo dục tiểu học” chính thức khởi động từ tháng 12/2019 với sự hợp tác của Tổ chức Hợp tác Phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flammang, vương quốc Bỉ (VVOB) và Bộ Giáo dục - Đào tạo. Báo cáo nghiên cứu HTQC của VVOB tại Việt Nam đã khẳng định “Học thông qua Chơi là phương pháp sư phạm góp phần vào sự phát triển toàn diện (nhận thức, xã hội, cảm xúc, sáng tạo và thể chất) của trẻ nhỏ, đặt nền móng cho việc học tập suốt đời và trang bị cho trẻ kỹ năng của thế kỷ 21 (như giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, tự chủ)” [3]. VVOB tại Việt Nam kết hợp với các chuyên gia thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và một số trường đại học sư phạm biên soạn “Bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên tiểu học về Học thông qua Chơi”. Thông qua tài liệu này, “cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên tiểu học (GVTH) sẽ được cung cấp nhiều gợi ý về phương pháp, kỹ thuật để có thể vận dụng HTQC vào quá trình dạy học nhằm giúp học sinh (HS) học tập hứng thú và hiệu quả hơn” [4].

Từ dự án “Lồng ghép HTQC vào giáo dục tiểu học” đã có một số bài viết tìm hiểu, vận dụng về HTQC trong dạy học. Tác giả Phó Đức Hoà, Hoàng Mai Quyên trên cơ sở thực hiện khảo sát, nghiên cứu về nhận thức, thái độ cũng như việc tổ chức HTQC nhằm tạo cơ hội thử nghiệm cho học sinh trong môn Toán lớp 2, đã khẳng định, “hầu hết các bộ quản lý, giáo viên các nhà trường đã nhận thức khá tốt về ý nghĩa, vai trò, lợi ích cũng như cách thức tổ chức, về sự cần thiết phải tổ chức hoạt động HTQC trong nhà trường” [1]. Tác giả Lê Thị Thu Huyền nghiên cứu “Học thông qua Chơi trong tổ chức hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực cho học sinh” [5]. Tác giả Nguyễn Thị Kiều Oanh, nghiên cứu HTQC để “thiết kế và tổ chức hoạt động học trong dạy học môn Toán ở tiểu học” [6]. Tác giả Lê Thị Bích Vân nghiên cứu tổng quan về HTQC ở trường mầm non [7]. Tác giả Lê Thị Quế nghiên cứu HTQC để xây dựng kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên và Xã hội [8]... Nhìn chung, các bài viết đều khẳng định việc áp dụng HTQC vào dạy học sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn vai trò chủ động và tích cực, tự chủ của học sinh trong quá trình học tập. Và với HTQC, “GV có thể hỗ trợ HS phát triển những kỹ năng thiết yếu của thế kỷ XXI nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu và hội nhập quốc tế” [4]. Với tính ưu việt của HTQC trong dạy học, bài viết góp phần làm rõ HTQC như một hướng tiếp cận mới trong dạy học. Từ đó, nhóm tác giả đã thiết kế và tổ chức hoạt động “Học thông qua Chơi” trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 nhằm góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài viết, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phương pháp thu thập thông tin thứ cấp từ “*Bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, Giáo viên tiểu học về Học thông qua Chơi*”, các đề tài nghiên cứu khoa học, các bài báo khoa học về HTQC và về phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp quy nạp và diễn dịch; Phương pháp phân tích, tổng hợp để thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Quan niệm về Học thông qua Chơi

3.1.1. Khái niệm

“HTQC là một hướng tiếp cận giáo dục trong đó HS được tương tác, trải nghiệm, khám phá

và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập vui vẻ, hứng thú. Các hoạt động chơi được kết nối với mục tiêu học tập nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của các em” [4].

3.1.2. Đặc điểm và các loại hình của HTQC

* Đặc điểm

Hoạt động HTQC thường có các đặc điểm nổi bật như: “hứng thú, có ý nghĩa, có sự tham gia tích cực, có nhiều cơ hội thử nghiệm và có tương tác xã hội” [4].

Trong quá trình dạy học, không bắt buộc hoạt động học nào cũng phải hội tụ đầy đủ cả 5 đặc điểm trên và các đặc điểm của HTQC có thể thể hiện ở mức độ khác nhau trong một hoạt động. Vì vậy, GV trong quá trình vận dụng HTQC cần cho HS trải nghiệm những thời khắc hứng thú, bất ngờ, có ý nghĩa, tạo cho HS nhiều cơ hội thử nghiệm và có sự tương tác xã hội.

* Loại hình của HTQC

HTQC gồm các loại hình hoạt động gắn với học tập hứng thú, trong đó bao gồm: “HTQC tự do; HTQC có định hướng; Học thông qua trò chơi; Học thông qua hướng dẫn và kiểm soát của GV” [4]. Tùy thuộc vào hoàn cảnh, mục đích tổ chức và thực hiện hoạt động, có thể có sự kết hợp đan xen giữa các loại hình HTQC. Vì vậy, việc phân loại các loại hình HTQC chỉ mang tính tương đối.

3.2. Một số đặc điểm tâm lý của trẻ lớp 1 phù hợp với việc vận dụng HTQC trong dạy học môn tiếng Việt

Thứ nhất, ở giai đoạn lớp 1, sự tập trung chú ý của trẻ còn thiếu tính bền vững, trẻ dễ bị phân tán bởi những âm thanh, sự kiện khác ngoài nội dung học tập. Thời gian chú ý có chủ định chỉ kéo dài tối đa từ 25 đến 30 phút. *Thứ hai*, tưởng tượng của học sinh lớp 1 tuy đã phát triển phong phú hơn so với trẻ mầm non nhưng nhìn chung vẫn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi. *Thứ ba*, tri giác của học sinh lớp 1 ít đi vào chi tiết và không ổn định, tri giác thường gắn với hình ảnh trực quan. *Thứ tư*, khi trẻ vào lớp 1 bắt đầu xuất hiện ngôn ngữ viết. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau. *Thứ năm*, ghi nhớ của trẻ lớp 1 là ghi nhớ máy móc, ghi nhớ có ý nghĩa của trẻ còn hạn chế, các em chưa biết tổ chức việc ghi nhớ có ý nghĩa, chưa biết dựa vào các ý chính để ghi nhớ, chưa biết cách khái quát hóa hay xây dựng dàn ý để ghi nhớ tài liệu.

Vì vậy, trong quá trình dạy học môn tiếng Việt lớp 1, giáo viên cần sử dụng các dụng cụ học tập trực quan, nhiều màu sắc hấp dẫn, sinh động, trò chơi học tập để thu hút sự chú ý của học sinh; đặt ra cho các em những câu hỏi mang tính gợi mở, thu hút các em vào các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể, tham gia vào các trò chơi học tập để kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác, để trẻ có cơ hội phát triển quá trình nhận thức lý tính của mình một cách toàn diện.

3.3. Nội dung kiến thức và yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt lớp 1

3.3.1. Nội dung kiến thức

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể môn Ngữ văn quy định rõ nội dung kiến thức cần được cung cấp cho học sinh lớp 1 trong môn Tiếng Việt gồm 2 mạch: Kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học. *Kiến thức Tiếng Việt gồm*: Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh; Quy tắc chính tả phân biệt: c và k, g và gh, ng và ngh; Quy tắc viết hoa; Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi; Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu; Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường; Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường; Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). *Kiến thức văn học gồm*: Câu chuyện, bài thơ; Nhân vật trong truyện [9].

3.3.2. Yêu cầu cần đạt

Môn Tiếng Việt lớp 1 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương

trình tổng thể. Bên cạnh đó, môn học còn góp phần hình thành và phát triển ở học sinh những năng lực đặc thù như: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học với các yêu cầu cụ thể: *Năng lực ngôn ngữ* (được thể hiện ở tất cả các kĩ năng: đọc, viết, nói, nghe): **Đọc** - Đối với học sinh lớp 1 chú trọng cả yêu cầu đọc đúng và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. **Viết** - Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa; Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ *c, k, g, gh, ng, ngh...* **Nói** - Nói rõ ràng, thành câu; Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi; Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe... **Nghe** - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp)...; Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu? **Nói nghe tương tác**: Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu; Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. *Năng lực văn học*: Đối với học sinh lớp 1 yêu cầu cần đạt về năng lực văn học là “học sinh nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, văn trong thơ; nhận biết được truyện và thơ” [9].

3.4. Nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong dạy học tiếng Việt lớp 1 ở tiểu học

Việc thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong dạy học Tiếng Việt lớp 1 ở tiểu học cần dựa trên 4 nguyên tắc sau:

Gắn kết HTQC với mục tiêu học tập: Khi thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong dạy học Tiếng Việt lớp 1, các hoạt động chơi cần phải gắn với mục tiêu của bài học/ chủ đề để trở thành hoạt động học, có như vậy HS mới có cơ hội để thực hành và trải nghiệm các kĩ năng, năng lực mà khi GV dạy thông qua hướng dẫn trực tiếp, HS khó đạt được.

Phát huy năng lực tự chủ của HS: Để tạo cơ hội cho HS trải nghiệm hứng thú, có ý nghĩa, tương tác xã hội, tham gia tích cực và có cơ hội thử nghiệm nhiều lần trong dạy học Tiếng Việt lớp 1, GV cần có cách thức khuyến khích sự tự chủ của HS. Khi đó, các em sẽ thấy mình làm chủ quá trình học tập và có trách nhiệm hơn với việc học.

Tổ chức và quản lý lớp học hiệu quả: Khi vận dụng HTQC, GV cần phải quản lý và tổ chức lớp học một cách hiệu quả thông qua việc tạo ra văn hóa lớp học, trong đó mọi HS đều tôn trọng nhau, cảm thấy hứng thú và làm việc hiệu quả. GV có thể huy động HS cùng tham gia một số hoạt động quản lý lớp học. Làm như vậy, ngoài việc chia sẻ công việc với GV sẽ giúp tăng tính tự chủ và hợp tác của HS với GV, HS với HS. Từ đó, lớp học được quản lý dễ dàng và hiệu quả hơn.

Sắp xếp không gian lớp học theo hướng tích cực, cởi mở: Lớp học được sắp xếp theo hướng tích cực cởi mở là lớp học mà ở đó các đồ dùng và thiết bị học tập được sắp xếp có mục đích của GV nhằm kích thích sự tò mò của HS và qua đó khuyến khích HS tham gia học tập tích cực, hiệu quả.

3.5. Thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 ở tiểu học

Để thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 ở tiểu học mang lại hiệu quả cao, cần luôn áp dụng 5 đặc điểm và 4 nguyên tắc Học thông qua Chơi và luôn thực hiện theo 3 bước. Cụ thể như sau:

3.5.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt theo hướng HTQC

a. Xác định mục tiêu dạy học theo hướng tiếp cận Học thông qua Chơi

GV cần tìm hiểu chương trình để xác định yêu cầu cần đạt mà bài học hay chủ đề hướng đến, từ đó, xác định mục tiêu của bài học. Mục tiêu bài học là mục tiêu học sinh cần đạt được chứ không phải là mục tiêu của giáo viên. Trên cơ sở đó sẽ xác định mục tiêu hoạt động HTQC.

Ví dụ: Khi thực hiện dạy Bài 107: **Vần au - âu** - Tiếng Việt lớp 1 (tập 2, Bộ Cánh Diều) GV có thể xác định những yêu cầu cần đạt của bài như sau:

Xác định những yêu cầu cần đạt của bài dạy	1. HS nhận biết các vần <i>au - âu</i> ; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần <i>au, âu</i> 2. Tìm các tiếng chứa vần <i>au, âu</i> 3. Đọc đúng và đọc hiểu bài <i>Sáu củ cà rốt</i>
--	---

	4. Biết viết trên bảng con vần <i>au, âu</i> , các tiếng <i>câu, cau, chim sâu</i> cỡ vừa. 5. Nói rõ ràng các ý tưởng, ý kiến thảo luận các câu hỏi trong nội dung bài học
--	---

Trên cơ sở xác định yêu cầu cần đạt của bài học, GV lựa chọn các mục tiêu của hoạt động HTQC đóng góp vào yêu cầu cần đạt của bài dạy. Ví dụ: Giáo viên có thể lựa chọn yêu cầu cần đạt 2, 3 để tổ chức hoạt động HTQC: Tìm các tiếng chứa vần *au, âu*; Đọc đúng và đọc hiểu bài *Sáu củ cà rốt*.

b. Lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu hoạt động HTQC đã xác định

HTQC sẽ hiệu quả hơn khi GV cân nhắc lựa chọn những nội dung phù hợp. “Đó là những nội dung vừa hướng đến yêu cầu cần đạt đã chọn, vừa giúp HS phát huy 5 đặc điểm của HTQC một cách chủ động và tích cực” [4].

Để phù hợp với yêu cầu cần đạt đã xác định ở ví dụ - Mục 3.5.1 (a), GV có thể lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu như sau:

* Yêu cầu cần đạt 2: Tìm các tiếng chứa vần *au, âu*

<p>Mục tiêu tổ chức HTQC: Giúp học sinh biết nhận diện vần <i>au, âu</i> và tìm được tiếng chứa vần <i>au, âu</i> – Từ đó phát triển kỹ năng đọc, viết và mở rộng vốn từ cho các em. Vì vậy, GV có thể chọn nội dung Học thông qua Chơi gắn với hoạt động Khám phá cụ thể ở bước: Tạo từ mới chứa vần <i>au, âu</i></p>	<p>Nội dung HTQC: Có vần <i>au, âu</i>, GV hướng dẫn để HS chọn một âm đầu bất kì (trong thanh cài các âm đầu có sẵn trên bảng) và ghép âm đầu vừa chọn với vần <i>au</i> hoặc <i>âu</i> để tạo thành tiếng có nghĩa. VD: câu</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 25%;">c</td> <td style="width: 25%;">âu</td> <td style="width: 25%;"></td> <td style="width: 25%;">câu</td> </tr> </table>	c	âu		câu
c	âu		câu		

c. Vận dụng phương pháp/kỹ thuật tổ chức HTQC

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học; nội dung dạy học; khả năng, trình độ của HS; phương tiện; cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức dạy học; thời gian thực hiện hoạt động dạy học; điều kiện thực tiễn của địa phương phục vụ cho bài học, GV có thể lựa chọn và vận dụng các phương pháp và kỹ thuật tổ chức HTQC khác nhau nhằm mang lại hiệu quả cho bài dạy.

3.5.2. Tổ chức thực hiện

Việc tổ chức bài học HTQC trong dạy học Tiếng Việt lớp 1 ở tiểu học cần thể hiện rõ 5 đặc điểm của HTQC. Đó là:

a. Làm cho hoạt động có ý nghĩa

Khi thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC trong môn Tiếng Việt lớp 1, để làm cho hoạt động dạy học trở nên có ý nghĩa đối với HS, GV có thể: Tạo cơ hội cho học sinh được vẽ, viết, phát biểu để bộc lộ những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân nhằm kết nối với nội dung mới của bài học/chủ đề; Đặt câu hỏi mở, tình huống có vấn đề; Tổ chức cho học sinh thực hành qua các đồ vật, hình ảnh gần gũi; Thực tiễn hoá nội dung dạy học; Sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như: Tia chớp, kỹ thuật Know, Want, Learn, How (KWLH)...

Trong Bài 107: **Vần au -âu** - Tiếng Việt lớp 1 (tập 2, Bộ Cánh Diều) ở hoạt động 3 - Luyện tập, phần 3.1. Mở rộng vốn từ, có yêu cầu: *Tìm tiếng có vần au, tiếng có vần âu?*

Mục tiêu của hoạt động này: Giúp HS tìm được một số tiếng có chứa vần *au* và tiếng có chứa vần *âu*. Để làm cho hoạt động này có ý nghĩa: GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép. Kỹ thuật này gồm 2 vòng:

Vòng 1 - Nhóm chuyên gia: HS thảo luận theo nhóm (6-8 HS). Yêu cầu, dựa vào tranh ảnh, tư liệu đã sưu tầm được, thảo luận để tìm tiếng chứa vần *au*, tiếng chứa vần *âu*; viết tiếng chứa vần *au*, tiếng chứa vần *âu* vào thẻ từ, gắn thẻ từ vào bảng nhóm. Sản phẩm của các nhóm được treo ở xung quanh lớp. Vòng 2 - Thành viên trong nhóm chuyên gia lần lượt di chuyển sang các nhóm khác để tạo nên nhóm mới, viết vào thẻ từ các từ ngữ đã tìm được và gắn lên bảng nhóm để bổ sung thêm những từ ngữ đã thảo luận ở nhóm chuyên gia; GV cử đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác nhận xét và bình chọn. GV tổng kết vốn từ HS đã tìm được, giải thích thêm. Hoặc GV trình chiếu “Cây từ ngữ” đã chuẩn bị trước, giúp HS mở rộng vốn từ chứa vần *au*, vần *âu*.

Với kĩ thuật mảnh ghép, HS được huy động vốn từ ngữ có chứa vần *au*, *âu* đã có, thảo luận với các bạn trong các nhóm để tìm hiểu và có thêm những từ ngữ mới.

b. Tăng cường sự tham gia của học sinh

Khi vận dụng HTQC để thiết kế và tổ chức dạy học Tiếng Việt cho HS lớp 1, thay vì bắt buộc, chỉ đạo và giải thích rõ ràng mọi thứ cho HS. GV cần khuyến khích HS tự nguyện tham gia, đồng viên các em chủ động bày tỏ suy nghĩ và hành động; tạo cơ hội cho HS tự tin, có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động.

Trong Bài 107: **Vần au -âu** - Tiếng Việt lớp 1 (tập 2, Bộ Cánh Diều) ở hoạt động 3 - Luyện tập, phần 3.1. Mở rộng vốn từ, với việc sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, GV đã thu hút sự chú ý, tham gia của HS vào bài học, tất cả HS đều có cơ hội chia sẻ những hiểu biết của mình về từ ngữ có chứa vần *au* và từ ngữ có chứa vần *âu*.

c. Tăng tương tác xã hội cho học sinh

Nhằm tăng cường khả năng tương tác xã hội cho HS trong môn Tiếng Việt, GV có thể: Thiết lập và duy trì cách ứng xử dựa trên sự tôn trọng giữa GV với HS, giữa HS với HS trong HTQC. GV có thể sử dụng những cử chỉ thân thiện, khuyến khích HS phát biểu ý kiến, dùng nhiều lời khen ngợi, tạo tiếng cười trong mỗi tiết dạy; Thay đổi bối cảnh, hình thức học tập mới mẻ, khác lạ như: học ngoài trời, học qua đi thực tế hoặc hoạt động thử nghiệm... giúp mở rộng kết nối HS với xã hội và xóa bỏ rào cản giữa các cá nhân và các nhóm. Những cơ hội này thúc đẩy các kĩ năng giao tiếp giữa các cá nhân và kĩ năng xã hội cho HS; Tổ chức cho HS cùng làm việc theo nhóm; Sử dụng phương pháp Tranh luận [4].

Kĩ thuật mảnh ghép được sử dụng ở hoạt động 3 – Luyện tập (Mở rộng vốn từ): Tìm tiếng có chứa vần *au*, tiếng có chứa vần *âu*, GV đã cho HS được trao đổi, làm việc trong nhóm, có cơ hội để trình bày hiểu biết của bản thân, được học hỏi thêm từ bài làm của các bạn, điều này nhằm tăng cường khả năng tương tác xã hội cho HS.

d. Tạo cho HS có nhiều cơ hội thử nghiệm

Khi tổ chức các hoạt động HTQC trong thiết kế và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt lớp 1, GV cần tạo cơ hội cho HS được khám phá, tìm hiểu các khái niệm mới qua các hoạt động trải nghiệm, thử đi thử lại các giả thuyết để tìm ra câu trả lời chính xác nhất, như vậy HS sẽ tự mình được khám phá và hiểu nội dung bài học sâu hơn. GV có thể sử dụng một số cách thức để tạo ra nhiều cơ hội thử nghiệm cho HS lớp 1 trong dạy học môn Tiếng Việt như: Sử dụng tình huống có vấn đề; sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực.

Trong Bài 107: **Vần au -âu** - Tiếng Việt lớp 1 (tập 2, Bộ Cánh Diều), ở hoạt động vận dụng: mục tiêu của hoạt động này là giúp HS nắm được kiến thức bài học và biết vận dụng vào tình huống cụ thể. Để giúp HS có nhiều cơ hội trải nghiệm, ở hoạt động này, GV đã sử dụng loại hình HTQC có định hướng. Cách tiến hành: Trò chơi “Ô cửa bí mật” (Trò chơi có 3 ô cửa, sau mỗi ô cửa là 1 câu hỏi có liên quan đến nội dung đã học, mỗi câu hỏi có 3 đáp án, HS sẽ lựa chọn đáp án đúng bằng cách giơ thẻ để trình bày ý kiến). Qua trò chơi, HS sẽ được củng cố lại kiến thức đã học trong bài.

e. Tạo hứng thú trong hoạt động HTQC

Để thiết kế và tổ chức hoạt động HTQC mang lại sự hứng thú cho HS trong môn Tiếng Việt lớp 1, GV có thể áp dụng một số cách: “Làm cho các hoạt động trở nên mới lạ; đặt câu hỏi gợi mở; tạo thử thách và cung cấp nguyên liệu kích thích sự tò mò của trẻ; thiết kế các bài dạy vui vẻ, đặc biệt hữu ích với những bài học cần xây dựng kĩ năng và cần thiết phải lặp đi lặp lại (Học vần); tổ chức trò chơi, đồ vui” [4].

Trò chơi Ô cửa bí mật được sử dụng ở phần vận dụng sẽ giúp HS được chơi trò chơi, thử thách bản thân với các câu hỏi của ô cửa bí mật một cách kịch tính, hồi hộp.

3.5.3. Đánh giá bài học

Đối với đánh giá trong bài học vận dụng HTQC trong môn Tiếng Việt ở tiểu học sẽ có 4 hình thức đánh giá:

a. HS tự đánh giá

Đối với hình thức này, có thể sử dụng những cách sau: Đánh giá bằng bảng kiểm sau khi học xong tiết học; Đánh giá theo tiến trình học tập... Hình thức đánh giá này giúp HS tự đánh giá để nhận biết trình độ hiện có của bản thân, xem xét mình đang ở đâu trong quá trình học tập để HS tự điều chỉnh phương pháp học tập hiệu quả, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu cần đạt của môn học/hoạt động giáo dục.

b. Đánh giá đồng đẳng giữa các HS

Đánh giá đồng đẳng trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 là người học tham gia vào việc đánh giá sản phẩm, công việc của những người cùng học khác. Đánh giá đồng đẳng nhằm mục đích hỗ trợ HS trong suốt quá trình học tập của các em. GV dạy học môn Tiếng Việt có thể sử dụng Bảng kiểm tự đánh giá để dùng cho đánh giá đồng đẳng.

c. GV đánh giá HS

Để đánh giá HS trong hoạt động dạy HTQC ở môn Tiếng Việt, GV có thể sử dụng các kỹ thuật đánh giá khác: kỹ thuật đặt câu hỏi, sử dụng bảng kiểm đánh giá HS. GV có thể đưa ra các dạng câu hỏi theo các mức độ để đánh giá mức độ hoàn thành so với chuẩn đầu ra hoặc mức độ hình thành NL, PC của HS trong HTQC.

d. GV tự đánh giá

Việc này sẽ giúp nâng cao chuyên môn của GV về HTQC, GV biết được những nội dung nào mình đã thực hiện tốt, những nội dung nào cần điều chỉnh, để việc áp dụng HTQC trên lớp mang lại hiệu quả tốt hơn đối với việc học của HS từ đó GV sẽ rút kinh nghiệm không ngừng đổi mới phương pháp dạy học để phù hợp với chuẩn nghề nghiệp GV.

4. Kết luận

Giai đoạn lớp một là bước ngoặt quan trọng của trẻ em. Môi trường học tập thay đổi một cách cơ bản; Nhu cầu nhận thức chuyển từ hiếu kỳ, tò mò sang tính ham hiểu biết, hứng thú khám phá; Trẻ bắt đầu kiểm chế dần tính hiếu động, bột phát để chuyển thành tính nề nếp, kỷ luật, tập trung và chấp hành nội quy học tập; Sự nhanh nhẹn và sức bền vững, tính khéo léo của các thao tác của đôi bàn tay để tập viết được phát triển nhanh. Tất cả những thay đổi trên đều là thử thách đối với trẻ, muốn trẻ vượt qua được tốt những thử thách này đòi hỏi người giáo viên trong quá trình dạy học nói chung và dạy học tiếng Việt nói riêng phải kết hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học với nhiều hình thức khác nhau để lôi cuốn, hấp dẫn trẻ vào bài học. Học thông qua Chơi là một giải pháp có tính hiệu quả cao. Học thông qua Chơi không những mang lại niềm vui, sự thoải mái, hứng khởi mà còn có thể rèn luyện về tư duy, thể chất và đặc biệt còn giúp mỗi học sinh, nhóm học sinh tiếp thu tri thức một cách tự giác và tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. H. Pho and T. Q. Mai, "The current situation of organizing Learning through Play to create experimental opportunities for students in Grade 2 Math at primary schools in Viet Tri city, Phu Tho province," *Journal Vietnam Educational Science Journal*, vol. 19, no. 03, pp. 61- 67, 2023.
- [2] Parker and B. S. Thomsen, "Learning through play at school," 2019. [Online]. Available: <https://cms.learningthroughplay.com/media/nihnouvc/learning-through-play-school.pdf>. [Accessed Nov. 2024].
- [3] VVOB, "Research report on Learning through Play," 2020. [Online]. Available: https://vietnam.vvob.org/sites/vietnam/files/vvob_bao_cao_nghien_cuu_ve_hoc_thong_qua_choi.pdf. [Accessed Nov. 2024].
- [4] Department of Teachers and Educational Administrators, Department of Primary Education, VVOB *Book 1: Professional Development Materials for Educational Administrators and Primary School Teachers on Learning Through Play*, Hanoi National University Publishing House, 2022.
- [5] T. T. H. Le, "Applying Learning through Play in organizing experiential activities towards developing students' capacity," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. S2, p. 23, 2022.
- [6] T. K. O. Nguyen, "Designing and organizing learning activities through play in teaching Mathematics

- in elementary schools," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. S2, p.94, 2022.
- [7] T. B. V. Le, "Learning through Play in preschool: A comprehensive study," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 227, no. 04, pp. 147-152, 2022.
- [8] T. Q. Le, "Applying learning through play in teaching Nature and Society subjects in elementary schools," *Educational Equipment Magazine*, vol. 2, no. 285, pp. 39-41, 2023.
- [9] Ministry of Education and Training, General Education Curriculum for the Subject of Literature (issued together with Circular No. 32/2018/ Circular - Ministry of Education and Training dated December 26, 2018, by the Minister of Education and Training), 2018.